

Bản án số: 119/2017/HSPT

Ngày: 23-11-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các thẩm phán:* Ông Ngô Quang Dũng.

Ông Bạch Đăng Thi.

***-Thư ký phiên toà:*** Ông Ngô Văn Quang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:*** Bà Dương Thị Hồng Tiến- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 23/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 158/2017/HSPT ngày 05/10/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q, Lê Văn S, Nguyễn Thu H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***\* Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: Nguyễn Văn N; tên gọi khác: không có; sinh năm 1972 tại xã H, huyện H; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Văn M, sinh năm 1943 và con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1947; có vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1977 và có 2 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997); tiền sự: không; Tiền án: không; nhân thân: Bản án số 69/2007/HSST ngày 16/11/2007 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; 12 tháng tù về tội “Gá bạc” và 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; Bản án số 51/2016/HSPT ngày 13/4/2016, Tòa án nhân dân tỉnh T áp dụng khoản 1, Điều 25 Bộ luật hình sự: Miễn trách nhiệm hình sự về tội "Đánh bạc" đối với Nguyễn Văn N; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2016 đến ngày 28/10/2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Ngày 22/7/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh Bắc Giang ra Quyết định khởi tố bị can số 109/QĐ đối với Nguyễn Văn N về tội “Đánh bạc” theo Điều 248- BLHS; Bị cáo bị giam theo Lệnh tạm

giam số 37/LTG ngày 22/7/2017 của Công an huyện H, ngày 16/8/2017 Nguyễn Văn N được tại ngoại. Vắng mặt.

2. Họ và tên: Dương Ngô T, tên gọi khác: không có; sinh năm 1969 tại xã T, huyện H; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/10; dân tộc: Kinh; con ông: Dương Ngô C (tức T), sinh năm 1936 và con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm 1941 có Vợ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1985 và có 01 con sinh năm 2009; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

3. Họ và tên: Dương Ngô Q, tên gọi khác: không có; sinh năm 1975 xã T, huyện H; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông: Dương Ngô T, sinh năm 1954 và con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1956 có vợ: Đoàn Thị X, sinh năm 1978 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005); tiền sự: không; tiền án: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2016 đến ngày 06/10/2016 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

4. Họ và tên: Nguyễn Văn Q, tên gọi khác: không có; sinh năm 1990 tại xã H, huyện H; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1959 và con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; có vợ: Đàm Thị N, sinh năm 1991 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015); tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo đầu thú, không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

5. Họ và tên: Lê Văn S, tên gọi khác: Không có; sinh năm 1972 tại xã Đ, huyện Y; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn 5 (Trại C), xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Văn K, sinh năm 1932 và con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; có vợ: Vũ Thị C, sinh năm 1973 và có 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1997); tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: Ngày 09/11/2016, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Giang khởi tố bị can về tội "Gá bạc"; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2016 đến ngày 03/10/2016 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

6. Họ và tên: Nguyễn Thu H, tên gọi khác: không có; sinh năm 1977 tại xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; số chứng minh nhân dân: không; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Gia H, sinh năm 1946 (Đã chết) và con bà: Nguyễn Thị D, sinh năm 1949; Chồng, con: Chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; nhân thân: Bản án số 03/2017/HSST ngày 15/02/2017 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Đánh bạc; Bị cáo bị tạm giữ,

tạm giam từ ngày 27/9/2016 đến ngày 23/12/2016 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

\* Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Lê Văn S: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1973 là vợ bị cáo.

Trú quán: Thôn 5 (Trại C), xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

\* Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn S là ông Đồng Duy C, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*\* Ngoài ra vụ án còn có 6 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản cáo trạng số 18/KSĐT ngày 04/5/2017 của VKSND huyện T và bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 28/8/2017 của TAND huyện T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang có kế hoạch tổ chức đánh bạc tại khu vực xã V, huyện T nên N đã chủ động liên lạc với Dương Ngô T, sinh năm 1969 ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang để thông báo kế hoạch tổ chức đánh bạc với T, và N rủ T đứng ra tổ chức đánh bạc cùng với N thì được T đồng ý. N trực tiếp chuẩn bị công cụ phương tiện để đánh bạc là: bát, hòm gỗ, bát sứ, đĩa sứ, bảng vị; T trực tiếp chuẩn bị các công cụ: thăm nỉ, ghế nhựa, dụng cụ làm quân vị phục vụ hoạt động đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa”. Ngày 20/9/2016, T liên lạc và đặt vấn đề thuê Dương Ngô Q, sinh năm 1975 ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang chở thăm nỉ, ghế nhựa từ nhà T đến nơi tổ chức đánh bạc và thực hiện nhiệm vụ trải thăm nỉ, xếp ghế nhựa và dọn dẹp thăm nỉ, thu xếp ghế nhựa lại sau khi kết thúc ngày đánh bạc, T và Q thỏa thuận T trả cho Q 300.000 đồng/ngày. Ngày 21/9/2016, N đi đến nhà Vũ Đình T, sinh năm 1970 ở thôn P 1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang đặt vấn đề thuê địa điểm nhà T để tổ chức đánh bạc nhưng T không đồng ý. Sau đó N đi sang nhà Vũ Đình Đ, sinh năm 1976 ở thôn P 1, xã V (Đ là em trai T và ở sát cạnh nhà T) để thuê địa điểm tổ chức sới đánh bạc tại nhà Đ thì được Đ đồng ý. N có thỏa thuận với Đ là N trả tiền thuê địa điểm tổ chức sới đánh bạc cho Đ là 2.500.000 đồng/ngày. Sau khi thuê được địa điểm tại nhà Đ thì N quay lại nhà Vũ Đình T bảo T làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ cho sới đánh bạc thì được T đồng ý. N bảo T gọi thêm người canh gác giúp N, giữa N và T chưa thỏa thuận cụ thể về số tiền canh gác sới bạc nhưng N hứa sẽ trả tiền công cho T với mức thỏa đáng.

Buổi tối ngày 23/9/2016, N đi ăn tối cùng Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990 ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang, N nói với Q là N sẽ tổ chức đánh bạc ở xã V, huyện T và đặt vấn đề thuê Q làm nhiệm vụ “hồ lý” - tức là làm nhiệm vụ thu tiền bên cửa đánh bạc bị thua trả cho bên cửa đánh bạc thắng trong mỗi ván mở bát (canh bạc) và thu tiền “phế” - tức là làm nhiệm vụ thu phí của mọi người khi vào sới chơi đánh bạc và đã được Q đồng ý.

N và T thông nhất bắt đầu tổ chức sới đánh bạc dưới hình thức chơi “Xóc đĩa” tại trong vườn của nhà Vũ Đình Đ vào ngày 24/9/2016 và quy định khoảng thời gian tổ chức đánh bạc từ khoảng 13 giờ đến khoảng 17 giờ hàng ngày thì nghỉ. Ngày 24 và 25/9/2016, N, T, Q và Nguyễn Văn Q đã tổ chức cho các đối tượng đánh bạc tại vườn nhà Đ nhưng không bị phát hiện.

Khoảng 12 giờ ngày 26/9/2016, N và T tổ chức cho các đối tượng chơi đánh bạc tại khu vườn nhà Vũ Đình Đ; Dương Ngô Q thực hiện việc trải thảm nỉ, sắp xếp ghế nhựa; Vũ Đình T làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ sới bạc nếu bị phát hiện sẽ hô hoán để mọi người giải tán và Nguyễn Văn Q làm công việc thu tiền “phế”, “hồ lý” và tiền “xâu” - tức là thu tiền của những người chơi đánh bạc thắng từng ván bạc trích ra. Lúc này có Lê Văn S, sinh năm 1972 ở thôn 5 (Trại C), xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Địch Thị T, sinh năm 1984 ở thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đi cùng nhau đến sới bạc thấy có khoảng 20 người đang tập trung để đánh bạc. N đã phân công cho Lê Văn S làm nhiệm vụ “xóc cái” cho sới bạc hoạt động (S và N chưa có thỏa thuận gì về việc tiền công nhưng N hứa sẽ trả tiền công cho S khi kết thúc ngày tổ chức đánh bạc). S làm “xóc cái” ngồi giữa hai bên chẵn và bên lẻ, đối diện với Nguyễn Văn Q làm “hồ lý”. S bắt đầu cầm bát, đĩa, quân vị và dùng tay xóc đều rồi đặt bát xuống thảm nỉ, sau đó các đối tượng đặt tiền (thả cửa) tham gia đánh bạc xác định được gồm có: 1) Nguyễn Văn D, sinh năm 1963 ở số 22, ngõ T, phố K, quận Đ, thành phố Hà Nội - D đi ô tô từ Hà Nội mang theo số tiền 80.000.000 đồng để mua lợn giống, khi đi gần đến nhà Q thì có người vẫy vào sới bạc, D đến sới bạc bỏ ra số tiền 10.000.000 đồng để đặt cửa, D đánh bạc thắng được 1.000.000 đồng thì bị bắt quả tang; 2) Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 ở thôn S, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên - L đi xe mô tô biển kiểm soát 20G1-161.\*\* và mang theo 32.530.000 đồng mục đích để đi mua lợn, khi đến sới bạc thì L bỏ ra 500.000 đồng đặt cửa hai ván hòa tiền thì bị bắt, L đã làm rơi mất số tiền 32.500.000 đồng chỉ còn lại 30.000 đồng; 3) Nguyễn Thu H, sinh năm 1977 ở thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định - H đi taxi từ Hà Nội đến huyện H và thông qua người có tên là Đ chỉ dẫn H tìm đến sới bạc của N. Khi vào sới bạc H mang theo 54.620.000 đồng nhưng H chỉ dùng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, H đặt cửa bị thua hết số tiền 3.000.000 đồng thì bị bắt; 4) Nguyễn Quang M, sinh năm 1995 ở Cụm 1, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội - M đến sới bạc do Dương Ngô T dẫn dắt và khi tham gia đặt cửa đánh xóc đĩa M khai dùng số tiền 10.000.000 đồng để đánh bạc nhưng khi bị bắt M bỏ chạy đã làm rơi mất số tiền trên.

Khi S thực hiện nhiệm vụ “xóc cái” cho mọi người đánh bạc được khoảng 15 phút thì N bảo Q đi thu tiền “phế”. Q đã thu của những người tham gia đánh bạc mỗi người 700.000 đồng (Q khai thu được khoảng 10 người) và thu tiền “xâu” của những người thắng của mỗi canh bạc trích ra. Tất cả số tiền thu được Q bỏ vào hòm gỗ đặt tại thảm nỉ nơi mọi người đánh bạc và Dương Ngô T có trách nhiệm trông coi quản lý hòm gỗ tại sới bạc.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ canh gác, bảo vệ sói bạc và thực hiện theo ý kiến của N về việc gọi thêm người canh gác, Vũ Đình T có gọi điện thoại cho Lê Văn Q, sinh năm 1975 ở thôn P 1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang, T nói với Q: “Ở trong nhà Đ đang có nhiều người đánh bạc, tý nữa anh đưa cháu đi học, em ra trông hộ anh một lúc”, Q bảo “Vâng, em ăn cơm xong em ra” (số điện thoại của T và Q không xác định được do cả hai đều sử dụng số khuyến mại sau đó không dùng nữa nên không nhớ. Giữa T và Q chưa thỏa thuận cụ thể về tiền công canh gác cho sói bạc, nhưng T hứa với Q là T sẽ trả tiền cho Q thỏa đáng). Sau khi thống nhất với T thì một lúc sau Q tự ý thức đi ra khu vực bờ đê đầu làng cách nhà Đ khoảng 150m thực hiện việc canh gác, cảnh giới cho sói bạc, nếu có người đến đánh bạc Q sẽ hướng dẫn chỗ để xe và nếu có nghi vấn thì Q sẽ báo để mọi người giải tán. Q thực hiện việc canh gác được khoảng 15 phút thì nhìn thấy T đưa con đi học về qua chỗ Q đang canh gác, T có nói với Q: “Anh đi về nhà tý anh thay” sau đó Q đi vào phía trong nhà Đ tiếp tục canh gác, Q làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới tại sói bạc đến khi bị lực lượng Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện, bắt quả tang. Đến khoảng 13 giờ 40 phút ngày 26/9/2016, Phòng PC45 Công an tỉnh Bắc Giang phát hiện bắt quả tang đối với 08 đối tượng gồm: Nguyễn Văn N, Vũ Đình Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị L, Dương Ngô Q, Lê Văn S, Vũ Đình T, Nguyễn Thu H. Ngoài ra, còn bắt giữ đối với 11 đối tượng đang có mặt tại sói bạc, gồm: Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1991 ở thôn V, xã L, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 ở thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Thọ B, sinh năm 1975 ở thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Dương Văn T, sinh năm 1968 ở xóm G, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Vũ Thị N, sinh năm 1965 ở thôn P 1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Vũ Gia K, sinh năm 1982 ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Dương Văn L, sinh năm 1982 ở thôn P, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Trần Quang H, sinh năm 1994 ở xóm P, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Địch Thị T, sinh năm 1984 ở thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; Lê Minh T, sinh năm 1975 ở tổ 28, phường T, thành phố T và Lưu Thị X, sinh năm 1974 ở phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình bị Công an phát hiện bắt quả tang thì có 04 đối tượng chạy thoát, gồm: Nguyễn Văn Q, Dương Ngô T, Nguyễn Quang M và Lê Văn Q.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm nghìn đồng), thu giữ trên chiếu nỉ tại sói bạc;
- 01 bát sứ và 01 đĩa sứ;
- 04 quân vị (đều có một mặt màu đen, một mặt trắng, làm bằng tre, kích thước khoảng (1x1,5)cm;
- 03 bảng vị được làm bằng bạc có các ô đánh số, thu tại chiếu nỉ;
- 03 tờ giấy có ghi chữ và số có chữ ký xác nhận của Nguyễn Văn N, thu trên chiếu nỉ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số Imei: 353687073520774, thu trên chiếu nỉ;
- 01 điện thoại di động Nokia màu xanh có số Imei 357144065061132, thu trên chiếu nỉ;
- Thu trong hòm gỗ trên chiếu nỉ tại sới bạc gồm có: 14.900.000 đồng, 01 dao phay, 02 thanh tre, 01 miếng gỗ, 02 bát sứ và 02 bút lông.
- 01 tấm nỉ màu xanh kích thước (2x2)m;
- 01 tấm nỉ màu đỏ kích thước (2x6)m;
- 01 bạt kê dọc xanh trắng kích thước (4x10)m;
- 01 bạt kê dọc xanh trắng kích thước (6x11)m;
- 41 ghế nhựa nhỏ các loại.
- Tạm giữ của Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, số Seri 357697014582607; 01 điện thoại di động Nokia X2 màu đen, số Seri 355214052249313; số tiền 81.000.000 đồng (tám mươi một triệu đồng).
- Tạm giữ của Nguyễn Văn N: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số seri 353032069687818; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng nhạt, số seri F17Q40ZxG5MQ; số tiền 28.860.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Tạm giữ của Vũ Đình Đ: 01 điện thoại di động FPT màu đen, Imei: 980038003572827; số tiền 1.935.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng).
- Tạm giữ của Nguyễn Thị L: số tiền 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng).
- Tạm giữ của Vũ Đình T: 01 điện thoại di động Nokia 1280 màu tím, số seri 356339057165757.
- Tạm giữ của Dương Ngô Q: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số Imei 356353/05/010491/1; số tiền 630.000 đồng (sáu trăm ba mươi nghìn đồng).
- Tạm giữ của Nguyễn Thu H: 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, số Imei 359196053848720; 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ, số seri 353677072961004; 01 điện thoại di động Flybee màu vàng; số tiền 50.920.000 VNĐ (năm mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).
- Tạm giữ của Lê Văn S: 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số seri: 359770001829722; số tiền 4.090.000 đồng (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra còn thu giữ tài sản của một số đối tượng khác có liên quan.

Quá trình điều tra đã xác định rõ về số vật chứng do cơ quan điều tra thu giữ và Cơ quan điều tra đã xử lý toàn bộ các tài sản không liên quan đến vụ án trả lại cho các chủ sở hữu và không ai có ý kiến gì. Quá trình điều tra đã xác định 11 đối tượng bị bắt giữ khi bắt quả tang gồm: Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thọ B, Dương Văn T, Vũ Thị N, Vũ Gia K, Dương Văn L, Trần Quang H, Địch Thị T, Lê Minh T, Lưu Thị X không tham gia đánh bạc, nên ngày 27/9/2016 Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang quyết định trả tự do đối với 11 đối tượng nêu trên.

Trong các ngày 08/10/2016, 20/10/2016 và 22/11/2016, các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Quang M và Dương Ngô T lần lượt đã đến Công an tỉnh Bắc Giang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Cơ quan điều tra đã xác định được tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 37.700.000 đồng bao gồm: số tiền 11.800.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang, số tiền 14.900.000 đồng thu giữ trong hòm gỗ là tiền Q thu được tiền “phế” và tiền “xâu” từ các đối tượng đánh bạc trong ngày 26/9/2016 và số tiền 11.000.000 đồng Cơ quan điều tra đã chứng minh Nguyễn Văn D sử dụng vào việc đánh bạc. Ngoài ra còn số tiền các bị cáo Nguyễn Quang M, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thu H khai dùng vào việc đánh bạc nhưng Cơ quan điều tra không thu giữ được, chỉ có lời khai của các bị cáo này nên không có căn cứ để kết luận vào tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào hoạt động đánh bạc.

Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 18/KSĐT ngày 04/5/2017 truy tố các bị cáo: Nguyễn Văn N, Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q, Lê Văn S, Vũ Đình T và Lê Văn Q về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự ; bị cáo Vũ Đình Đ về tội “Gá bạc” theo quy định tại khoản 1, Điều 249 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo: Nguyễn Văn D, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thu H, Nguyễn Thị L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1, Điều 248 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 28/8/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

\*Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q, Lê Văn S, Vũ Đình T, Lê Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Vũ Đình Đ phạm tội “Gá bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thu H, Nguyễn Thị L phạm tội “Đánh bạc”.

\* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 249; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 18 (mười tám) tháng tù nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 01 tháng 02 ngày (từ ngày 27/9/2016 đến ngày 28/10/2016), bị cáo còn phải chấp hành 16 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn N 5.000.000 đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

\* Áp dụng khoản 1, Điều 249; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự; Điều 1 của Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Dương Ngô T 16 (mười sáu)

tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Dương Ngô T.

\* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 249; điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Ngô Q 15 (mười năm) tháng tù nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 10 ngày (từ ngày 27/9/2016 đến ngày 06/10/2016), bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 20 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bị cáo Dương Ngô Q 5.000.000 đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

\* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 249; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn Q 5.000.000 đ (năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

\* Áp dụng khoản 1, Điều 249; điểm p, điểm n, khoản 1, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự; Điều 1 của Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7; điểm x, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Văn S 12 (mười hai) tháng tù nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 06 ngày (từ ngày 27/9/2016 đến ngày 03/10/2016), bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 24 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Lê Văn S.

\* Áp dụng khoản 1, khoản 3, Điều 248; điểm h, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 51; Điều 53- Bộ luật Hình sự; Điều 1 của Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3, Điều 7; điểm x, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 05 (năm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2017/HSST ngày 15/02/2017 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội Đánh bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù. Nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 03 tháng 02 ngày (từ ngày 24/10/2012 đến ngày 27/10/2012 và từ ngày 27/9/2016 đến ngày 23/12/2016). Bị cáo còn phải chấp hành 02 năm 01 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thu H.

Ngoài ra bản án xử phạt bị cáo L 4 tháng tù, bị cáo D 6 tháng tù, các bị cáo M, T, Q, Đ từ 6 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, xử phạt bổ sung bị cáo M 3.000.000 đồng, bị cáo T 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 09/9/2017 bị cáo Nguyễn Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09/9/2017 bị cáo Dương Ngô T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 06/9/2017 bị cáo Dương Ngô Q kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 09/9/2017 bị cáo Nguyễn Văn Q kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 11/9/2017 bị cáo Lê Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

Ngày 08/9/2017 bị cáo Nguyễn Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng đơn kháng cáo của bị cáo thể hiện nội dung xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức hình phạt 18 tháng là quá nặng, sức khỏe bị cáo không tốt thường xuyên ốm đau bệnh tật. Bị cáo đã nhận thức được sai lầm, tự nguyện nộp tiền phạt, án phí.

- Bị cáo Dương Ngô T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo với lý do hình phạt nặng, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, bố đẻ có công với cách mạng, bị cáo là lao động chính nuôi bố đẻ và 2 con nhỏ, vợ ốm đau bệnh tật không giúp được gì. Bị cáo đã nộp 200.000 đồng án phí sơ thẩm sau khi xét xử.

- Bị cáo Dương Ngô Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo với lý do hình phạt sơ thẩm là cao, bị cáo chỉ là người làm thuê cho bị cáo T trong điều kiện đang bị thất nghiệp kinh tế gia đình có nhiều khó khăn.

- Bị cáo Nguyễn Văn Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo với lý do không đồng ý hình phạt chính, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, con nhỏ, bị cáo là lao động chính, bị cáo chỉ làm hộ bị cáo N chưa được trả tiền công gì.

- Bị cáo Nguyễn Thu H thay đổi yêu cầu kháng cáo không xin hưởng án treo nữa mà xin giảm nhẹ hình phạt với lý do là lao động chính nuôi mẹ già ốm đau đã nhiều năm, không ai chăm sóc.

- Bị cáo Lê Văn S và đại diện hợp pháp giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo bị bệnh tâm thần phân liệt không nhận thức được hành vi, bệnh ngày càng nặng phải uống thuốc điều trị hàng ngày, muốn được án treo để gia đình có điều kiện chăm sóc, quản lý giáo dục.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của các bị cáo được nộp cho TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang trong thời hạn 15 ngày sau khi tuyên án nên được coi là kháng cáo hợp lệ, đề nghị HĐXX chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm cho các bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N vắng mặt, có đơn trình bày lý do bị ốm xin hoãn phiên tòa. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Điều 245- BLTTHS. Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tại quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác. Căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2, Điều 248- BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 28/8/2017 của TAND huyện T, tỉnh Bắc Giang. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

- Phần thủ tục tranh luận:

- + Bị cáo T: không có ý kiến gì.
- + Bị cáo Q: Đề nghị xem xét cho bị cáo.
- + Bị cáo Nguyễn Văn Q: Đề nghị xem xét cho bị cáo.
- + Bị cáo H: Bị cáo đã bị tạm giam gần 3 tháng, đề nghị xem xét chấp nhận giảm án cho bị cáo.

+ Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn S: Về tội danh xử phạt bị cáo là đúng không tranh luận. Về hình phạt xử bị cáo là nghiêm, chưa xem xét điều kiện bệnh tật tâm thần phân liệt và hoàn cảnh gia đình của bị cáo. Vai trò của bị cáo là chưa rõ ràng, mờ nhạt, không hưởng lợi gì, giúp sức thứ yếu. Đề nghị áp dụng Điều 47- BLHS đối với bị cáo, xử phạt từ 8-9 tháng tù. Mặc dù pháp luật có quy định trong trường hợp đang chờ xét xử hình sự mà lại có hành vi phạm pháp luật hình sự bị khởi tố tiếp thì không được hưởng án treo nhưng trường hợp của bị cáo là đặc biệt, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

+ Bị cáo Lê Văn S và đại diện hợp pháp nhất trí quan điểm của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

+ Viện kiểm sát đối đáp: Đối với bị cáo T không có ý kiến tranh luận nên không đối đáp; các bị cáo Dương Ngô Q, Q, H không tranh luận mà chỉ đề nghị xem xét nên Viện kiểm sát giữ nguyên các quan điểm đã trình bày, việc chấp nhận kháng cáo hay không là do HĐXX quyết định. Đối với quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo S thì mức hình phạt khởi điểm 12 tháng tù là cấp sơ thẩm đã xem

xét đến điều kiện bệnh tật của bị cáo để giảm nhẹ rồi, bố bị cáo bị khuyết tật không phải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 của BLHS; về tội danh đối với bị cáo không có khung hình phạt thấp hơn nên không áp dụng Điều 47- BLHS đối với bị cáo. Còn đề nghị cho hưởng án treo thì như Luật sư đã phân tích pháp luật không khoan hồng nhân đạo đối với người liên tục có hành vi vi phạm như vậy nên không chấp nhận đề nghị được.

- Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 234- Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của bị cáo Nguyễn Văn N: Bị cáo đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt với lý do bị ốm xin hoãn phiên toà. Bị cáo có kháng xin giảm nhẹ hình phạt. Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quy định tại Điều 245- Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo trong trường hợp không làm bất lợi tình trạng của bị cáo.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 13 giờ 40 phút ngày 26/9/2016, tại khu vực vườn của gia đình Vũ Đình Đ, sinh 1976 ở thôn P 1, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Công an tỉnh Bắc Giang đã phát hiện bắt quả tang: Nguyễn Văn N, sinh năm 1972 ở thôn T, xã H, huyện H; Dương Ngô Q, sinh năm 1975 ở thôn T, xã T, huyện H; Vũ Đình T, sinh năm 1970 ở thôn P 1, xã V, huyện T và Lê Văn S, sinh năm 1972 ở thôn 5 (Trại C), xã Đ, huyện Y đang thực hiện hành vi tổ chức hoạt động đánh bạc dưới hình thức chơi “xóc đĩa” cho khoảng 20 đối tượng tham gia đánh bạc. Tuy nhiên trong quá trình điều tra xác định được 04 đối tượng, gồm: Nguyễn Văn D, sinh năm 1963 ở số 22, ngõ T, phố K, thành phố Hà Nội; Nguyễn Thị L, sinh năm 1967 ở thôn S, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nguyễn Thu H, sinh năm 1977 ở thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; Nguyễn Quang M, sinh năm 1995 ở Cụm 1, xã L, huyện Đ, thành phố Hà Nội đánh bạc thắng thua bằng

tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 37.700.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng). Vai trò, nhiệm vụ của các bị cáo cụ thể như sau:

Nguyễn Văn N có kế hoạch tổ chức đánh bạc tại khu vực xã V, huyện T nên đã chủ động liên lạc với Dương Ngô T để thông báo kế hoạch tổ chức đánh bạc và rủ T đứng ra tổ chức đánh bạc cùng với N thì được T đồng ý. N trực tiếp chuẩn bị công cụ phương tiện để đánh bạc là: bát, hòm gỗ, bát sứ, đĩa sứ, bảng vị;

Vũ Đình Đ sử dụng địa điểm vườn của gia đình mình cho Nguyễn Văn N thuê với số tiền 2.500.000 đồng/1 ngày để Nguyễn Văn N tổ chức đánh bạc đánh “xóc đĩa”.

Dương Ngô T là người cùng với Nguyễn Văn N đứng ra tổ chức đánh bạc, T chuẩn bị ghế nhựa, thuê Dương Ngô Q làm nhiệm vụ trải thảm nỉ, xếp ghế nhựa và thu dọn sau mỗi ngày đánh bạc và T trực tiếp gọi người đến đánh bạc và có hoạt động trông coi quản lý sới bạc.

Dương Ngô Q có nhiệm vụ chở thảm nỉ, ghế nhựa từ nhà T đến nơi tổ chức đánh bạc và thực hiện nhiệm vụ trải thảm nỉ, xếp ghế nhựa và dọn dẹp thảm nỉ, thu xếp ghế nhựa lại sau khi kết thúc ngày đánh bạc, T và Q thỏa thuận T trả cho Q 300.000 đồng/ngày.

Nguyễn Văn Q được Nguyễn Văn N thuê làm nhiệm vụ “hồ lý” tại sới bạc - tức là làm nhiệm vụ thu tiền bên cửa đánh bạc bị thua trả cho bên cửa đánh bạc thắng trong mỗi ván mở bát (canh bạc) và thu tiền “phế” - tức là làm nhiệm vụ thu phí của mọi người khi vào sới chơi đánh bạc.

Lê Văn S làm nhiệm vụ “xóc cái” cho sới bạc hoạt động (S và N chưa có thỏa thuận gì về việc tiền công nhưng N hứa sẽ trả tiền công cho S khi kết thúc ngày tổ chức đánh bạc). S làm “xóc cái” ngồi giữa hai bên chắn và bên lẻ, đối diện với Nguyễn Văn Q làm “hồ lý”. S cầm bát, đĩa, quân vị và dùng tay xóc đều rồi đặt bát xuống thảm nỉ, sau đó các đối tượng đặt tiền (thả cửa) tham gia đánh bạc.

Lê Văn Q được Vũ Đình T gọi điện thông báo ở trong nhà Đ có hoạt động đánh xóc đĩa và bảo Q ra canh gác phục vụ cho sới bạc nếu thấy bị phát hiện thì báo để cho sới bạc giải tán.

Nguyễn Thu H đi taxi từ Hà Nội đến Hiệp Hòa và thông qua người có tên là Đ chỉ dẫn H tìm đến sới bạc của N. Khi vào sới bạc H mang theo 54.620.000 đồng nhưng H chỉ dùng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, H đặt cửa bị thua hết số tiền 3.000.000 đồng thì bị bắt.

Từ nội dung trên án sơ thẩm xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q, Lê Văn S, Vũ Đình Đ, Lê Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Vũ Đình Đ phạm tội “Gác bạc”; các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Quang M, Nguyễn Thu H, Nguyễn Thị L phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy: Tại phiên tòa, các bị cáo chỉ có yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo nên các vấn đề khác

của án sơ thẩm đã tuyên như hình phạt bổ sung bằng tiền, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

- Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, Điều 48- Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Đối với bị cáo N: Sau khi phạm tội khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo N tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng tại Cơ quan cảnh sát điều tra để thi hành án là trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định theo khoản 2, Điều 46- BLHS.

+ Đối với bị cáo T: Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo ra đầu thú, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo Q: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn Q: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo tham gia bộ đội nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46 - BLHS.

+ Đối với bị cáo S: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết tại điểm p, khoản 1, Điều 46- BLHS, tại Kết luận của giám định pháp y tâm thần số 56/2016/PYTT ngày 11/01/2017 của trung tâm pháp y tâm thần khu vực miền núi phía Bắc đã kết luận bị cáo là người bị bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hiện nay bị cáo vẫn có sở điều trị bệnh ngoại trú của Bệnh viện tâm thần Bắc Giang. Như vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n, khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Sáu có bố đẻ là ông Lê Văn K được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

+ Đối với bị cáo H: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h, điểm p, khoản 1, Điều 46- BLHS; bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Gia H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và mẹ đẻ là

bà Nguyễn Thị D tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được tình tiết giảm nhẹ tại điểm x, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cho các bị cáo là có căn cứ. Riêng đối với tình tiết bố, mẹ của các bị cáo là người được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến cấp sơ thẩm xác định áp dụng cho các bị cáo theo quy định tại điểm x, khoản 1, Điều 51- Bộ luật hình sự năm 2015 là không chính xác, mà trường hợp này chỉ áp dụng cho các bị cáo tại khoản 2, Điều 46- BLHS, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến lĩnh vực an toàn, trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân.

- Về nhân thân của các bị cáo:

+ Bị cáo N có nhân thân xấu, năm 2007 đã bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, 12 tháng tù về tội “Gá bạc” và 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; Năm 2016 Tòa án nhân dân tỉnh T miễn trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc”. Sau khi được tại ngoại chờ xét xử ngày 22/7/2017 bị cáo N lại bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H ra quyết định khởi tố bị can số 109/QĐ về tội “Đánh bạc” theo Điều 248- BLHS.

+ Bị cáo Lê Văn S có nhân thân xấu, trong khi được tại ngoại chờ xét xử về hành vi “Tổ chức đánh bạc”, ngày 09/11/2016 bị cáo lại tiếp tục bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang khởi tố bị can về tội “Gá bạc”.

+ Bị cáo Nguyễn Thu H có nhân thân xấu, bản án số 03/2017/HSST ngày 15/02/2017 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Các bị cáo còn lại là Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì.

- Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo N có vai trò thứ nhất, sau đó là bị cáo T, tiếp theo là các bị cáo Dương Ngô Q, Q, S và H.

- Tại quá trình xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Bị cáo T có nộp án phí sơ thẩm nhưng chỉ thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chứ đây không phải là tình tiết giảm nhẹ tại Điều 46- BLHS. Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo S không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ bị cáo liên tục có hành vi vi phạm pháp luật hình sự, hiện đang bị khởi tố về hành vi “Gá bạc”. Do đó căn cứ tính chất của vụ án, vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án, hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2, Điều 2-Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án

sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 248- Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q, Lê Văn S, Nguyễn Thu H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q, Lê Văn S phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội “Đánh bạc”.

- Về hình phạt:

\* Áp dụng khoản 1, Điều 249; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 18 (mười tám) tháng tù nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 01 tháng 02 ngày (từ ngày 27/9/2016 đến ngày 28/10/2016), bị cáo còn phải chấp hành 16 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

\* Áp dụng khoản 1, Điều 249; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự; Điều 1 của Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Khoản 4, Điều 1 của Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Dương Ngô T 16 (mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

\* Áp dụng khoản 1, Điều 249; điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Ngô Q 15 (mười năm) tháng tù nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 10 ngày (từ ngày 27/9/2016 đến ngày 06/10/2016), bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 20 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

\* Áp dụng khoản 1, Điều 249; điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

\* Áp dụng khoản 1, Điều 249; điểm p, điểm n, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn S 12 (mười hai) tháng tù nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 06 ngày (từ ngày 27/9/2016 đến ngày 03/10/2016), bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 24 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

\* Áp dụng khoản 1, Điều 248; điểm h, điểm p, khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 51; Điều 53- Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H 05 (năm) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 03/2017/HSST ngày 15/02/2017 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội Đánh bạc. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù. Nhưng bị cáo được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam là 03 tháng 02 ngày (từ ngày 24/10/2012 đến ngày 27/10/2012 và từ ngày 27/9/2016 đến ngày 23/12/2016). Bị cáo còn phải chấp hành 02 năm 01 tháng 28 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[2]. Về án phí: Áp dụng Điều 99- BLTTHS, điểm a, khoản 2, Điều 23- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn N, Dương Ngô T, Dương Ngô Q, Nguyễn Văn Q, Lê Văn S, Nguyễn Thu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các vấn đề khác:

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 30/2017/HSST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Xác nhận bị cáo Dương Ngô T đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số AA/2010/006099 ngày 08/9/2017 tại Chi cục THADS huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**